

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Tuần 18: Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 02/01/2026

TT	LỚP	Số lượng	PHÒNG THI	THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 6
					29/12/2025	30/12/2025	31/12/2025	02/01/2026
1	24CB.DD.19A	55	B.2.1	07h30	Tiếng Anh 1	Giáo dục chính trị	Dược lý	Pháp luật
2	24CB.DD.19B	58	B.2.3	07h30	Tiếng Anh 1	Giáo dục chính trị	Dược lý	Pháp luật
3	24CB.DD.19C	42	B.2.4	07h30	Tiếng Anh 1	Giáo dục chính trị	Dược lý	Pháp luật
4	24CB.DU.14A	47	B.2.5	07h30	Bệnh học	Hóa phân tích	Dược lý	Dược liệu
5	24CB.DU.14B	48	B.2.6	07h30	Bệnh học	Hóa phân tích	Dược lý	Dược liệu
6	24CB.DU.14C	45	B.3.1	07h30	Bệnh học	Hóa phân tích	Dược lý	Dược liệu
7	24CB.DU.14D	35	B.3.2	07h30	Bệnh học	Hóa phân tích	Dược lý	Dược liệu
8	24CB.PHR.7	32	B.3.3	07h30	Cẩn khớp học	Dầu (khuôn) & mẫu trong Kỹ thuật Phục hình răng	Vật liệu nha khoa	Ghi và tái lập các tương quan
9	24CB.PHCN.7	22	B.3.4	07h30	Bệnh học	Quản lý và tổ chức Y tế	Vật lý đại cương và Lý sinh	Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh



TT	LỚP	Số lượng	PHÒNG THI	THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 6
					29/12/2025	30/12/2025	31/12/2025	02/01/2026
10	24CD.HA.16	10	B.3.5	07h30	Tiếng Anh 1	Giáo dục chính trị	Vật lý tia X-Điện kỹ thuật	Kỹ thuật phòng tối
11	24CD.XN.16	15	B.3.5	07h30	Tiếng Anh 1	Giáo dục chính trị	Giải phẫu bệnh	Vì sinh 1
12	24.CD.HS.12	18	B.3.5	07h30	Tiếng Anh 1	Giáo dục chính trị	Dược lý	Điều dưỡng Nội khoa

Lưu ý:

- Sinh viên phải hoàn thành học phí trước ngày thi.
- Sinh viên có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.



TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Huỳnh Thị Mai Hoa

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG

Phạm Thị Ngọc Diên

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Tuần 19: Từ ngày 05/01/2026 đến ngày 11/01/2026

TT	LỚP	Số lượng	PHÒNG THI	THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
					05/01/2026	06/01/2026	07/01/2026	08/01/2026	09/01/2026
1	24CD.DD.19A	55	B.2.1	07h30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		Dinh dưỡng - tiết chế		
2	24CD.DD.19B	58	B.2.3	07h30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		Dinh dưỡng - tiết chế		
3	24CD.DD.19C	42	B.2.4	07h30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		Dinh dưỡng - tiết chế		
4	24CD.PHR.7	32	B.2.5	07h30	Tạo mẫu và kỹ thuật sắp	Tạo mẫu & kỹ thuật nhựa	Vật liệu phục hình răng	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong chuyên ngành răng hàm mặt	
5	24CD.PHCN.7	22	B.2.6	07h30	Quá trình phát triển con người		Lương gia chức năng vận động		
6	24CD.HA.16	10	B.3.1	07h30	Giải phẫu X quang				
7	24CD.XN.16	15	B.3.1	07h30	Kỹ sinh trùng 1		Hóa sinh 1		
8	24.CD.HS.12	18	B.3.1	07h30	Điều dưỡng Ngoại khoa				
9	23CD.BD.18A	39	B.2.1	09h00	Xác suất, thống kê y học	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	
10	23CD.BD.18B	40	B.2.3	09h00	Xác suất, thống kê y học	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	
11	23CD.DU.13A	31	B.2.4	09h00	Xác suất, thống kê y học	Kinh tế được	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Kiểm nghiệm	



TT	LỚP	Số lượng	PHÒNG THI	THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
					05/01/2026	06/01/2026	07/01/2026	08/01/2026	09/01/2026
12	23CD.DU.13B	34	B.2.5	09h00	Xác suất, thống kê y học	Kinh tế được	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Kiểm nghiệm	
13	23CD.DU.13C	34	B.2.6	09h00	Xác suất, thống kê y học	Kinh tế được	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Kiểm nghiệm	
14	23CD.DU.13D	27	B.3.1	09h00	Xác suất, thống kê y học	Kinh tế được	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Kiểm nghiệm	
15	23CD.DU.13E	34	B.3.2	09h00	Xác suất, thống kê y học	Kinh tế được	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Kiểm nghiệm	
16	23CD.PHR.6	29	B.3.3	09h00	Xác suất, thống kê y học	Kỹ thuật phục hình cổ định 2: mão, cầu kim loại	Kỹ thuật phục hình mão sứ, kim loại	Kỹ thuật phục hình cầu sứ, kim loại	
17	23CD.PHCN.6	11	B.3.4	09h00	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ - xương	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ thần kinh - cơ	Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa - sinh dục - nội tiết	
18	23CD.HA.15	7	B.3.5	09h00	Chẩn đoán hình ảnh X quang	Kỹ thuật siêu âm	Kỹ thuật chụp cắt lớp điện toán và cộng hưởng từ hạt nhân	Kỹ thuật X quang có dùng thuốc cản quang	
19	23CD.XN.15	6	B.3.5	09h00	Bao đảm và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	Hóa sinh 2	Huyết học truyền máu	Kỹ sinh trùng 2	
20	23CD.HS.11	5	B.3.5	09h00	Chăm sóc sau đẻ	Chăm sóc sơ sinh	Quản lý hồ sinh	Chăm sóc trong phẫu thuật Sản phụ khoa	
21	25CD.DD.20A_Nhóm 1	35	B.2.1	14h00	Giải phẫu	Sinh lý	Giao tiếp và thực hành điều dưỡng	Sinh học và di truyền	
22	25CD.DD.20A_Nhóm 2	34	B.2.2	14h00	Giải phẫu	Sinh lý	Giao tiếp và thực hành điều dưỡng	Sinh học và di truyền	
23	25CD.DD.20B_Nhóm 1	35	B.2.3	14h00	Giải phẫu	Sinh lý	Giao tiếp và thực hành điều dưỡng	Sinh học và di truyền	
24	25CD.DD.20B_Nhóm 2	35	B.2.4	14h00	Giải phẫu	Sinh lý	Giao tiếp và thực hành điều dưỡng	Sinh học và di truyền	
25	25CD.DD.20C	53	B.3.1	14h00	Giải phẫu	Sinh lý	Giao tiếp và thực hành điều dưỡng	Sinh học và di truyền	

TT	LỚP	Số lượng	PHÒNG THI	THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
					05/01/2026	06/01/2026	07/01/2026	08/01/2026	09/01/2026
26	25CD.DU.15A_Nhóm 1	35	B.2.5	14h00	Hóa học đại cương - Vô cơ	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh 1	Sinh học và di truyền	
27	25CD.DU.15A_Nhóm 2	35	B.2.6	14h00	Hóa học đại cương - Vô cơ	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh 1	Sinh học và di truyền	
28	25CD.DU.15B_Nhóm 1	36	B.3.2	14h00	Hóa học đại cương - Vô cơ	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh 1	Sinh học và di truyền	
29	25CD.DU.15B_Nhóm 2	35	B.3.3	14h00	Hóa học đại cương - Vô cơ	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh 1	Sinh học và di truyền	
30	25CD.PHR.8	37	B.3.4	14h00	Giải phẫu	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh 1	Pháp luật	
31	25CD.PHCN.8	47	B.3.5	14h00	Giải phẫu	Giáo dục chính trị	Tiếng Anh 1	Pháp luật	
32	25CD.HA.17	17	B.3.6	14h00	Giải phẫu	Sinh lý	Quản lý và tổ chức Y tế	Vật lý đại cương và Lý sinh	
33	25CD.XN.17	24	B.3.6	14h00	Giải phẫu	Sinh lý	Quản lý và tổ chức Y tế	Sinh học và di truyền	
34	25CD.HS.13	18	B.3.6	14h00	Giải phẫu	Sinh lý		Sinh học và di truyền	

Lưu ý:

- Sinh viên phải hoàn thành học phí trước ngày thi.
- Sinh viên có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

(Signature)

Huỳnh Thị Mai Hoa

Phạm Thị Ngọc Diên

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Signature)

(Official Stamp)

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
CÁC LỚP CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Tuần 20: Từ ngày 12/01/2026 đến ngày 18/01/2026

TT	LỚP	Số lượng	PHÒNG THI	THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5
					12/01/2026	13/01/2026	14/01/2026	15/01/2026
1	23CD.DU.13A	31	B.2.1	07h30	Dược lâm sàng			
2	23CD.DU.13B	34	B.2.2	07h30	Dược lâm sàng			
3	23CD.DU.13C	34	B.2.3	07h30	Dược lâm sàng			
4	23CD.DU.13D	27	B.2.4	07h30	Dược lâm sàng			
5	23CD.DU.13E	34	B.2.5	07h30	Dược lâm sàng			
6	23CD.PHR.6	29	B.2.6	07h30	Kỹ thuật phục hình khuôn, khuôn liên kết			
7	23CD.HA.15	7	B.3.1	07h30	Bệnh học chuyên khoa			
8	23CD.XN.15	6	B.3.1	07h30	Hóa sinh 3	Ví sinh 3	Kỹ sinh trùng 3 (Phòng B.2.3)	
9	23CD.HS.11	5	B.3.1	07h30	Bệnh lý liên quan đến thai nghén và sinh đẻ	Sức khỏe môi trường và vệ sinh		
10	25CB.DD.20A_Nhóm 1	35	B.2.1	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Y dục	Hóa sinh	Ví sinh - Kỹ sinh trùng
11	25CB.DD.20A_Nhóm 2	34	B.2.2	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Y dục	Hóa sinh	Ví sinh - Kỹ sinh trùng
12	25CB.DD.20B_Nhóm 1	35	B.2.3	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Y dục	Hóa sinh	Ví sinh - Kỹ sinh trùng
13	25CB.DD.20B_Nhóm 2	35	B.2.4	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	Y dục	Hóa sinh	Ví sinh - Kỹ sinh trùng



TT	LỚP	Số lượng	PHÒNG THI	THỜI GIAN	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5				
					12/01/2026					13/01/2026					14/01/2026					15/01/2026				
					Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe					Y đức					Hóa sinh					Vi sinh - Kỹ sinh trùng				
14	25CD.DD.20C	53	B.3.1	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe					Y đức					Hóa sinh					Vi sinh - Kỹ sinh trùng				
15	25CD.DU.15A_Nhóm 1	35	B.2.5	14h00						Y đức														
16	25CD.DU.15A_Nhóm 2	35	B.2.6	14h00						Y đức														
17	25CD.DU.15B_Nhóm 1	36	B.3.2	14h00						Y đức														
18	25CD.DU.15B_Nhóm 2	35	B.3.3	14h00						Y đức														
19	25CD.PHR.8	37	B.3.4	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe					Y đức														
20	25CD.PHCN.8	47	B.3.5	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe					Y đức														
21	25CD.HA.17	17	B.3.6	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe					Y đức														
22	25CD.XN.17	24	B.3.6	14h00	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe					Y đức					Hóa học (Phòng B.2.5)									
23	25CD.HS.13	18	B.3.6	14h00	Vi sinh - Kỹ sinh trùng					Y đức					Hóa sinh (Phòng B.2.5)									

Lưu ý:

- Sinh viên phải hoàn thành học phí trước ngày thi.
- Sinh viên có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút.



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Huỳnh Thị Mai Hoa

(Signature)

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2025
NGƯỜI LẬP BẢNG

Phạm Thị Ngọc Diên

